|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI**  Số: /BC-UBND  DỰ THẢO | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Đồng Nai, ngày tháng 12 năm 2022* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành**

**liên quan đến quy định chế độ hỗ trợ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung môt số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủquy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức trực tiếp làm chuyên môn được xếp lương theo mã ngạch thuộc các ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều;

Căn cứ Thông tư số 64/2006/TTLT-BNN-BNV-BTC ngày 25/8/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát đê điều;

Căn cứ Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “*Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng*”.

Qua nghiên cứu, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương chưa có quy định cụ thể về chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng viên chức chuyên trách bảo vệ rừng thuộc các đơn vị chủ rừng. Do đó, việc ban hành chính sách quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng làm việc tại các đơn vị chủ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ không trái với hệ thống pháp luật hiện hành và phù hợp với thẩm quyền của địa phương.

**II. THỰC TRẠNG DIỆN TÍCH RỪNG VÀ LỰC LƯỢNG BẢO VỆ RỪNG**

**1. Thực trạng diện tích đất rừng trên địa bàn tỉnh**

Hiện nay, tổng diện tích có rừng và diện tích chưa thành rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là 199.879,87 ha, trong đó: diện tích có rừng là 172.733,94 ha; diện tích chưa thành rừng là 27.145,93 ha [[1]](#footnote-1). So với các tỉnh trong khu vực Đông Nam bộ thì Đồng Nai là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất trong khu vực. Trong đó, tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp các đơn vị chủ rừng trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai hiện đang quản lý là 36.618,61ha, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Tổng diện tích rừng và đất lâm nghiệp (ha)** | **Diện tích có rừng (ha)** | **Diện tích không rừng (ha)** | **Đất khác (ha)** |
| 1 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú | 18.051 | 17.415 | 635 | 0 |
| 2 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Long Thành | 7.984,56 | 4.834,79 | 3.149,77 | 0 |
| 3 | Ban Quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc | 10.376,69 | 9.867,11 | 10,33 | 499,25 |
| 4 | Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp tỉnh | 206,36 | 156,21 | 50,15 | 0 |
| **Tổng** | | **36.618,61** | **32.273,11** | **3.845,25** | **499,25** |

**2. Thực trạng lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng**

Lực lượng chuyên tráchbảo vệ rừng tại các đơn vị chủ rừng trực thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Đồng Nai, như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Tổng số viên chức bảo vệ rừng** | **Hiện có mặt** | **Độ tuổi (người)** | | | | **Thời gian công tác (người)** | | | | **Trình độ chuyên môn (người)** | | | |
| <=30 | 31-40 | 41-50 | Trên 51 | < 5 năm | 5 - 10 năm | 10 - 15 năm | > 15 năm | Sơ cấp | Trung cấp + Cao đẳng | Đại học | Sau Đại học |
| 1 | Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú | 96 | 88 | 18 | 32 | 17 | 21 | 17 | 10 | 22 | 39 | 7 | 30 | 48 | 3 |
| 2 | Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành | 38 | 35 | 4 | 16 | 4 | 11 | 6 | 7 | 8 | 14 | 7 | 15 | 11 | 2 |
| 3 | Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc | 39 | 37 | 4 | 13 | 7 | 13 | 7 | 4 | 6 | 20 | 11 | 8 | 18 | 0 |
| 4 | Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tỉnh. | 10 | 8 | 1 | 4 | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 4 | 1 | 0 | 6 | 1 |
| **Tổng số** | | **183** | **168** | **27** | **65** | **30** | **46** | **31** | **22** | **38** | **77** | **26** | **53** | **83** | **6** |

Như vậy, tính đến ngày 30/6/2022, tổng số lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng là 168/183 người, còn thiếu 15 người.

- Về độ tuổi: dưới 30 tuổi: 27 người (tỷ lệ 16 %), từ 31- 40 tuổi: 65 người (tỷ lệ 39 %), từ 41-50 tuổi: 30 người (tỷ lệ 18 %) và trên 51 tuổi: 46 người (tỷ lệ 27%).

- Về thời gian công tác: số lượng chuyên trách bảo vệ rừng gắn bó với công việc dưới 05 năm: 31 người (tỷ lệ 18%), từ 5-10 năm: 22 người (tỷ lệ 13%); từ 10-15 năm: 38 người (tỷ lệ 23%) và trên 15 năm: 77 người (tỷ lệ 46%).

- Về trình độ chuyên môn: trình độ sơ cấp: 26 người (tỷ lệ 15%).; trung cấp và cao đẳng: 53 người (tỷ lệ 32%); đại học: 83 người (tỷ lệ 49 %) và sau đại học: 06 người (tỷ lệ 4 %).

Qua các số liệu trên, cho thấy lực lượng viên chức chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh có trình độ chuyên môn còn tương đối thấp (trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng chiếm tỷ lệ đến 47%, trong khi trình độ trên đại học chỉ chiếm tỷ lệ 4%); số lượng người trên 41 tuổi chiếm tỷ lệ cao (lên đến 55%); thời gian công tác trên 10 năm chiếm tỷ lệ cao (lên đến 69%), trong khi thời gian công tác dưới 10 năm chỉ đạt tỷ lệ 31%, nguyên nhân do nhiều trường hợp viên chức bảo vệ rừng mới được tuyển dụng vào vài năm lại xin nghỉ việc hoặc chuyển công tác.

**III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHỤ CẤP ƯU ĐÃI NGHỀ**

**1. Kết quả thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng**

- Căn cứ khoản 1 Điều 2 Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức trực tiếp làm chuyên môn được xếp lương theo mã ngạch thuộc các ngành kiểm lâm, bảo vệ thực vật, thú y và kiểm soát đê điều có quy định mức phụ cấp ưu đãi nghề đối với ngành kiểm lâm “*Mức phụ cấp 10% áp dụng đối với các công chức, viên chức ngạch kiểm lâm trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ rừng tại các Chi cục kiểm lâm, các Trung tâm kỹ thuật bảo vệ rừng”*.

- Căn cứ Thông tư số 64/2006/TTLT-BNN-BNV-BTC ngày 25/8/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 132/2006/QĐ-TTg ngày 31/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức ngành Kiểm lâm, Bảo vệ thực vật, Thú y và Kiểm soát đê điều. Ngày 16/7/2013, Sở Nông nghiệp và PTNT có Văn bản số 1972/SNN-TCCB gửi Sở Nội vụ về lấy ý kiến giải quyết phụ cấp ưu đãi nghề Kiểm lâm đối với công chức, viên chức công tác tại các Ban quản lý rừng phòng hộ và Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa. Ngày 02/8/2013, Giám đốc Sở Nội vụ ban hành Văn bản số 1457/SNV-CBCC về phụ cấp ưu đãi nghề kiểm lâm đối với công chức, viên chức ở các Ban quản lý rừng phòng hộ và Trung tâm Lâm nghiệp Biên Hòa trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai. Theo đó, từ năm 2014 đến tháng 2/2021 lượng lực viên chức bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh được hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề kiểm lâm là 10%.

- Tổng số tiền chi hỗ trợ lực lượng bảo vệ rừng hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi nghề kiểm lâm (10%) trong thời gian từ năm 2016-2020: **5.135.375 nghìn đồng**.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đơn vị** | **Số lượng** viên **chức BVR (người)** | **Hỗ trợ phụ cấp ưu đãi nghề 10%** (nghìn đồng) | | | | | **Tổng** |
| **Năm 2016** | **Năm 2017** | **Năm 2018** | **Năm 2019** | **Năm 2020** |
| 1 | Ban quản lý rừng phòng hộ Tân Phú (BQLRPH 600 sáp nhập tháng 6/2019) | 96 | 554.88 | 478.85 | 503.251 | 468.728 | 491.383 | 2497.092 |
| 2 | Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành | 38 | 252.805 | 259.182 | 248.958 | 253.629 | 217.618 | 1232.192 |
| 3 | Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc | 39 | 199.91 | 222.1 | 235.7 | 250.5 | 246.5 | 1154.71 |
| 4 | Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp tỉnh (Trung tâm lâm nghiệp Biên Hòa sáp nhập tháng 7/2019) | 10 | 58.799 | 49.848 | 46.704 | 50.794 | 45.236 | 251.381 |
| **Tổng** | | **183** | **1066.394** | **1009.980** | **1034.613** | **1023.651** | **1000.737** | **5135.375** |

**2. Đánh giá việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng**

**2.1. Thuận lợi**

Trong thời gian qua, việc thực hiện chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh đã giúp cho lực lượng viên chức công tác tại các đơn vị chủ rừng có thêm một phần thu nhập chính đáng, trong điều kiện chế độ chính sách tiền lương còn rất thấp. Từ đó giúp cho các đơn vị chủ rừng có đủ lực lượng bảo vệ rừng để thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, bảo vệ rừng trên diện tích lâm phận được giao. Góp phần giữ ổn định tỷ lệ che phủ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo chỉ tiêu Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025 là 28,3%.

**2.2. Khó khăn**

- Sau khi các đơn vị chủ rừng thực hiện việc chuyển xếp ngạch từ ngạch kiểm lâm (mã ngạch: 10.229, 10.228, 10.227, 10.226, …) chức sang danh nghề nghiệp viên chức bảo vệ rừng theo Thông tư số 18/2020/TT-BNNPTNT ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn “*Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành khuyến nông, chuyên ngành quản lý bảo vệ rừng*” (mã số: V.03.10.28; V.03.10.29; V.03.10.30) thì lực lượng viên chức chuyên trách bảo vệ rừng không còn được hưởng phụ cấp thâm niên nghề 10%. Qua đó, lực lượng viên chức chuyên trách bảo vệ rừng bị giảm nguồn thu nhập, trong khi khối lượng công việc, thời gian, trách nhiệm và áp lực công việc ngày càng tăng theo yêu cầu thực tiễn. Trong thời gian từ năm 2020 đến tháng 06/2022 đã có 37 trường hợp viên chức bảo vệ rừng đã nghỉ việc hoặc chuyển công tác khác [[2]](#footnote-2).

- Bên cạnh đó, từ năm 2020 đến nay các đơn vị chủ rừng đã nhiều lần xây dựng kế hoạch và thông báo tuyển dụng viên chức bảo vệ rừng nhưng không tuyển dụng được người (Ban quản lý rừng phòng hộ Tân phú; Ban quản lý rừng phòng hộ Long Thành; ….).

**III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

- Năm 2020, Sở Nông nghiệp và PTNT được Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh giám sát kết quả thực hiện công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 188/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đã ban hành Thông báo kết luận số 146/TB-HĐND [[3]](#footnote-3) có nhận xét “*Chế độ tiền lương, phụ cấp, trợ cấp cho đối tượng là lực lượng bảo vệ rừng còn thấp (áp lực công việc, nguy hiểm, trách nhiệm của cá nhân nếu để xảy ra vi phạm), chưa thu hút được người có trình độ chuyên môn để đáp ứng nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, biên chế được giao và phương tiện làm việc chưa đáp ứng được nhiệm vụ của ngành, từ đó ảnh hưởng đến công tác tuần tra và bảo vệ rừng*” và kiến nghị “*Rà soát các chế độ, điều kiện làm việc cho đối tượng là lực lượng làm công tác bảo vệ rừng và phương tiện phục vụ công tác tại BQL rừng phòng hộ, trong trường hợp cần thiết cần có chính sách hỗ trợ cho đối tượng trên, đề xuất UBND tỉnh xem xét, trình HĐND tỉnh quyết định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút nguồn lao động có trình độ chuyên môn, đáp ứng nhiệm vụ của ngành*”.

- Xuất phát từ tình hình thực tế và căn cứ các quy định hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng chuyên trách viên chức bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến chế độ phụ cấp ưu đãi nghề đối với lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Thường trực Tỉnh ủy;  - Thường trực HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;  - Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;  - Các Sở: Tư pháp, Nội vụ, Tài chính, LĐ-TBXH;  - Sở Nông nghiệp và PTNT;  - Lưu: VT, KTN. | **CHỦ TỊCH**    **Cao Tiến Dũng** |

1. Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về công bố hiện trạng diện tích rừng tỉnh Đồng Nai năm 2021. [↑](#footnote-ref-1)
2. Ban quản lý rừng phòng hộ Tân phú nghỉ thôi việc: 18 người; Ban quản lý rừng phòng hộ Tân phú nghỉ thôi việc: 10 người; Ban quản lý rừng phòng hộ Xuân Lộc nghỉ thôi việc: 07 người; Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh nghỉ thôi việc 02 người. [↑](#footnote-ref-2)
3. Thông báo kết luận số 146/TB-HĐND ngày 27/3/2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)